

MẪU NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO

(DÀNH CHO HỘ GIÀ CẢ NEO ĐƠN)

MẪU SỐ 4: - DIỆN TÍCH XÂY DỰNG: 28,44 m²;

- KINH PHÍ THỰC HIỆN: 55.099.000 ĐỒNG;

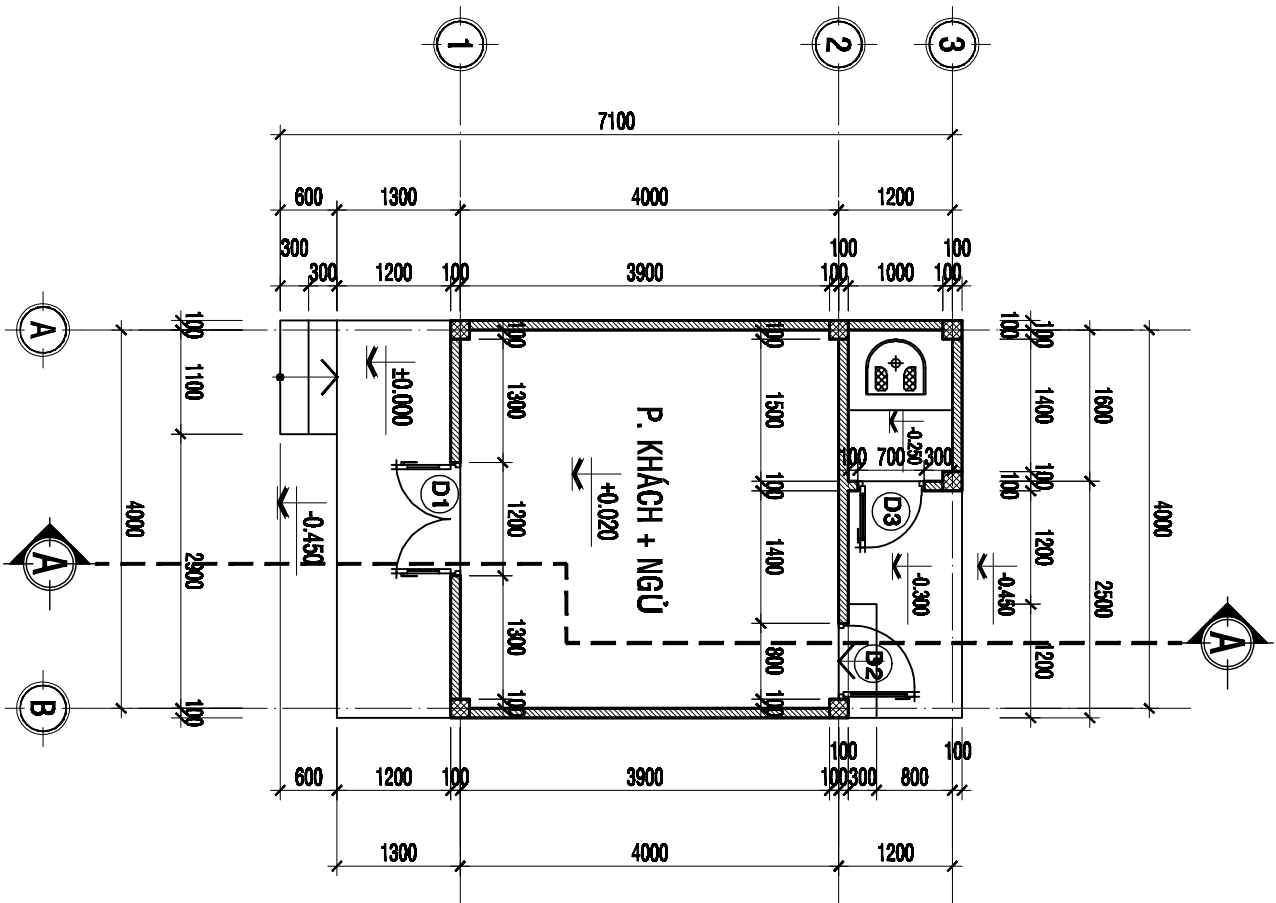
- KẾT CẤU CHÍNH:

+ TƯỜNG XÂY GẠCH TRÁT Vữa XI MĂNG, QUÉT VÔI;

+ MÁI LỢP TOLE;

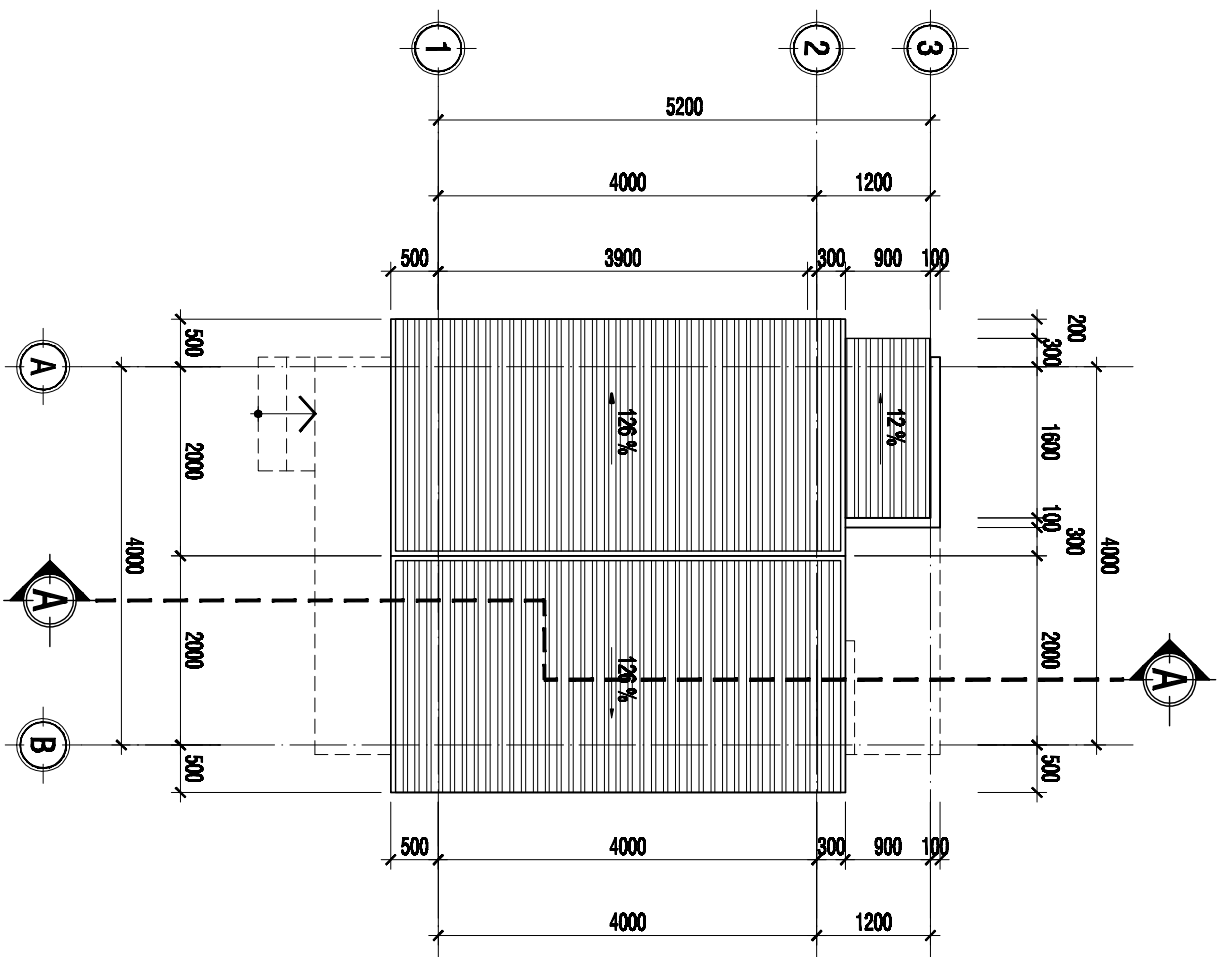
+ NỀN LÁT GẠCH CERAMIC.

THÁNG 05 NĂM 2017



MẶT BẰNG

TL: 1/100

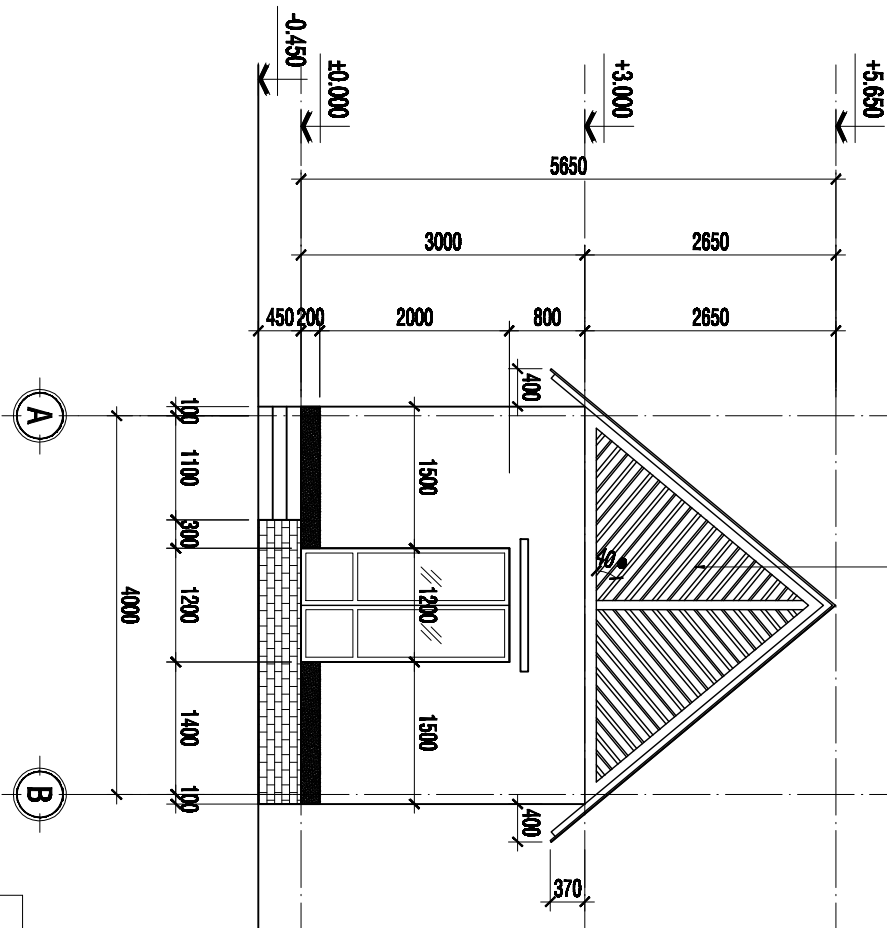


MẶT BẰNG Mái

TL: 1/100

MẪU NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO (DÀNH CHO HỘ GIÀ CẢ NƠI ĐƠN)		MẪU SỐ:
		04
MẶT BẰNG, MẶT BẰNG Mái	BẢN VẼ	KT 01/06

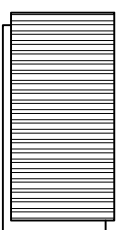
TƯỜNG CẮT RON RỘNG 20, SÂU 10, KC a=150
QUÉT VÔI MÀU NÂU



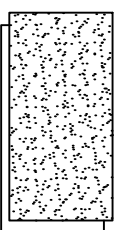
MẶT ĐỨNG TRỰC A-B

TL: 1/100

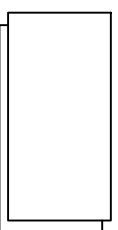
GHI CHÚ MÀU SƠN NGOÀI THẤT



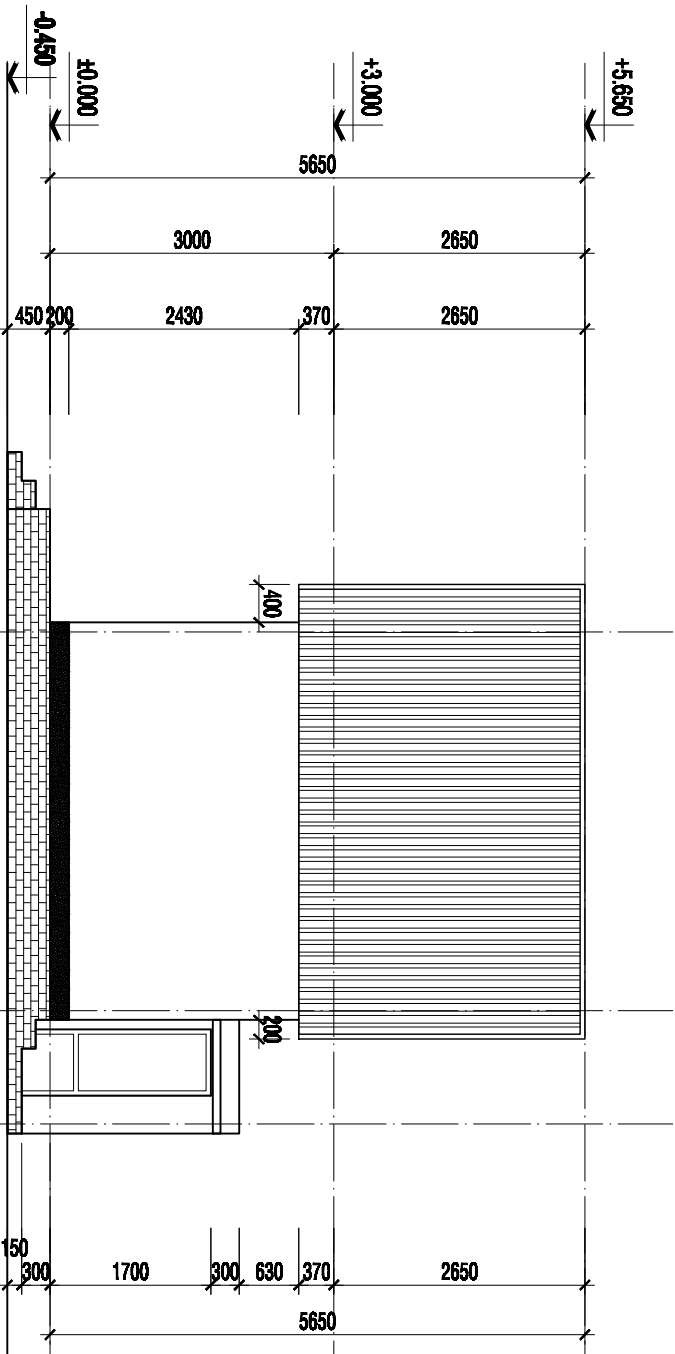
MÀI LỢP TÔN SÓNG VUÔNG DÀY 0.42 zem.



QUÉT VÔI CHÂN TƯỜNG MÀU NÂU



QUÉT VÔI TƯỜNG MÀU VÀNG NHẠT



MẶT ĐỨNG TRỰC 1-3

TL: 1/100



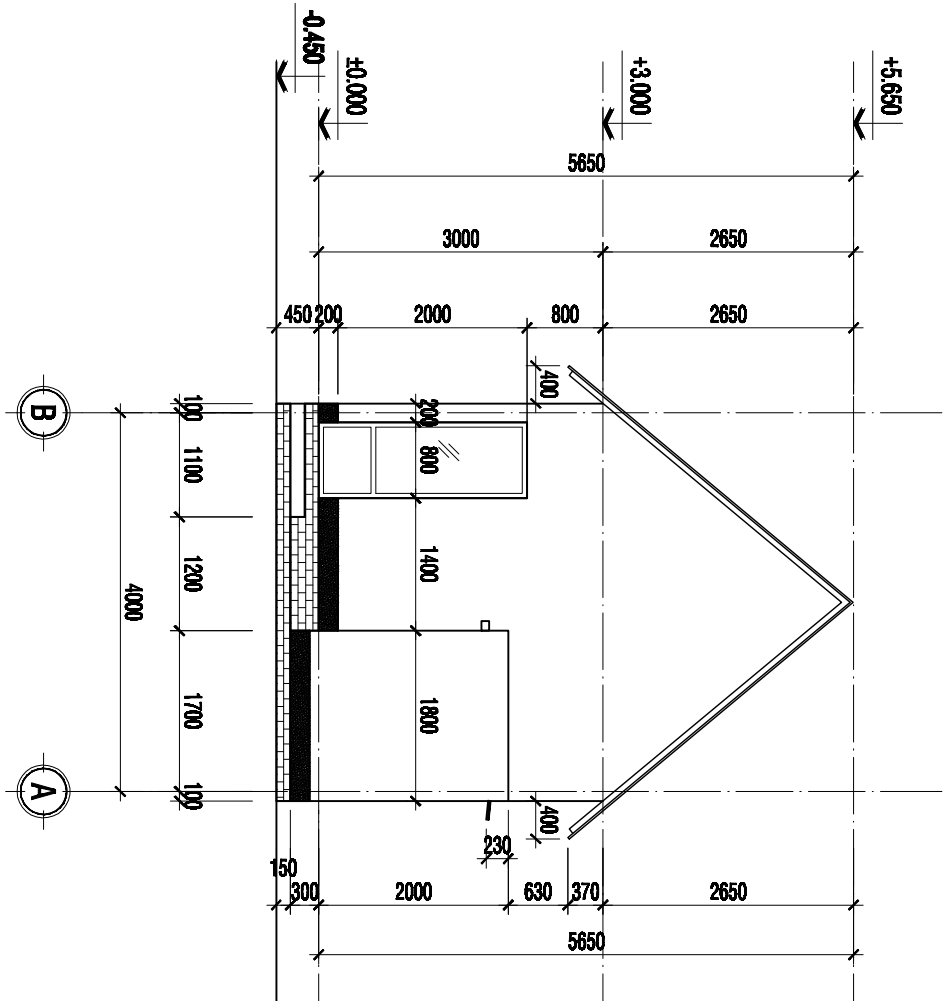
MẪU NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO
(DÀNH CHO HỘ GIÀ CẢ NƠI BƠM)

MẪU SỐ:
04

MẶT ĐỨNG TRỰC A-B, MẶT ĐỨNG TRỰC 1-3,

BẢN VẼ

KT
02/06

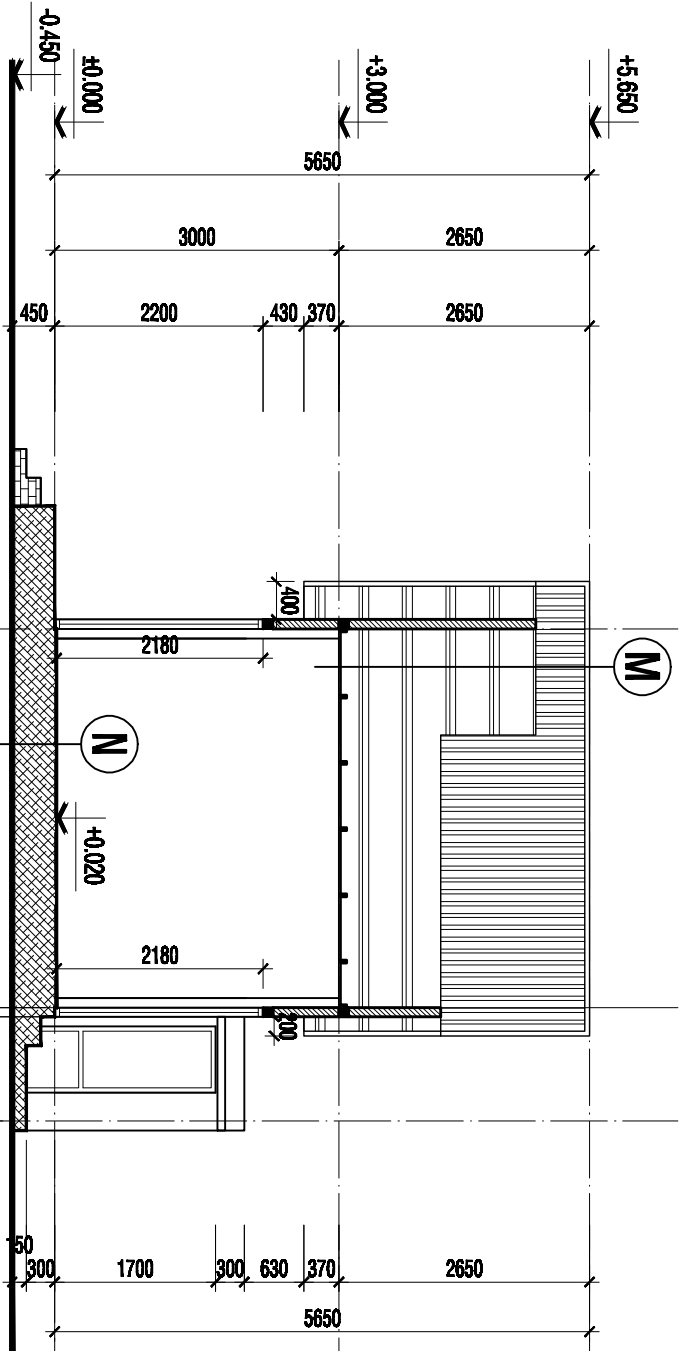


MẶT ĐŨNG TRỤC B-A

TL: 1/100

GHI CHÚ:

- TƯỜNG NHÀ XÂY GẠCH ỐNG Vữa XI MĂNG M75, QUÉT VÔI 02 LỚP MÀU VÀNG NHẠT CẢ 02 MẶT
- TƯỜNG THU HỒI XÂY GẠCH ỐNG Vữa XI MĂNG M75 QUÉT VÔI 02 LỚP MÀU VÀNG NHẠT MỘT MẶT NGOÀI



MẶT CẮT A-A

TL: 1/100

- Mái Lợp Tôn Sóng Vuông Dày 0.42 zem.
- Xà Gồ Thép Hộp 40x80x1.5 mm Khoảng Cách 700.
- Dà Trần Thép Hộp 30x60x1.4 Khoảng Cách 700.
- Trần Tôn Lạnh Dày 0.32 zem

- Lát Gạch Ceramic 400x400.
- Láng Vữa Xi Măng M75 Tạo Dốc Dày 30.
- Lốp Bt Lót Đá 40x60 M100 Dày 100.
- Lốp Đất Đắp Đầm Chặt.
- Nền Đất Thiện Nhiên Dọn Sạch và Đầm Chặt.

Mẫu nhà ở cho hộ nghèo
(Dành cho hộ già cả neo đơn)

04

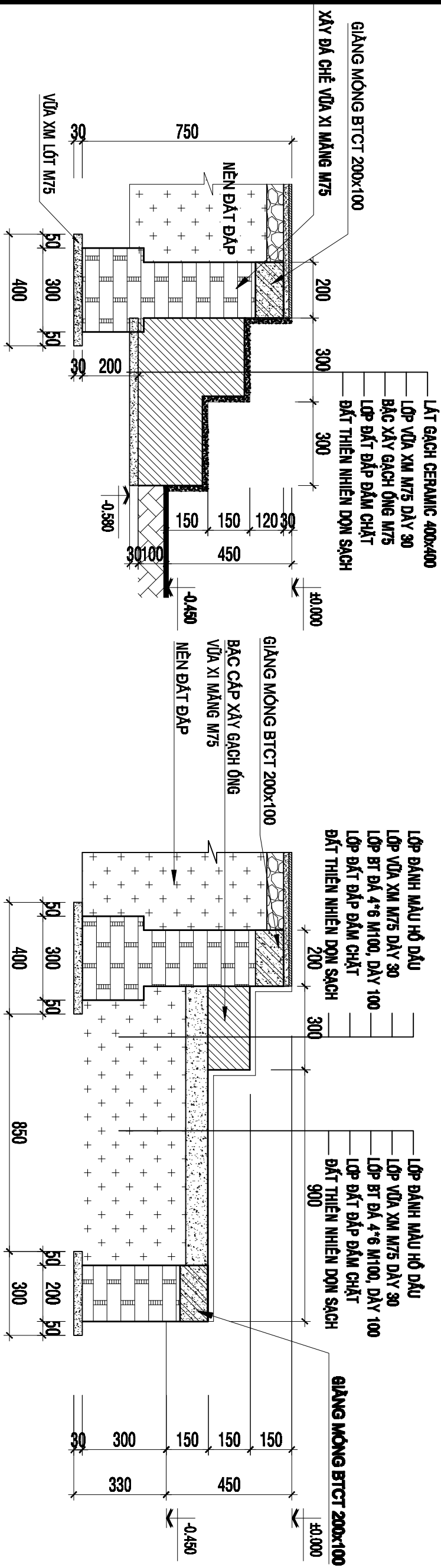
Mẫu số:

Mặt Đứng Trục B-A, Mặt Cắt A-A

Bản vẽ

KT

03/06



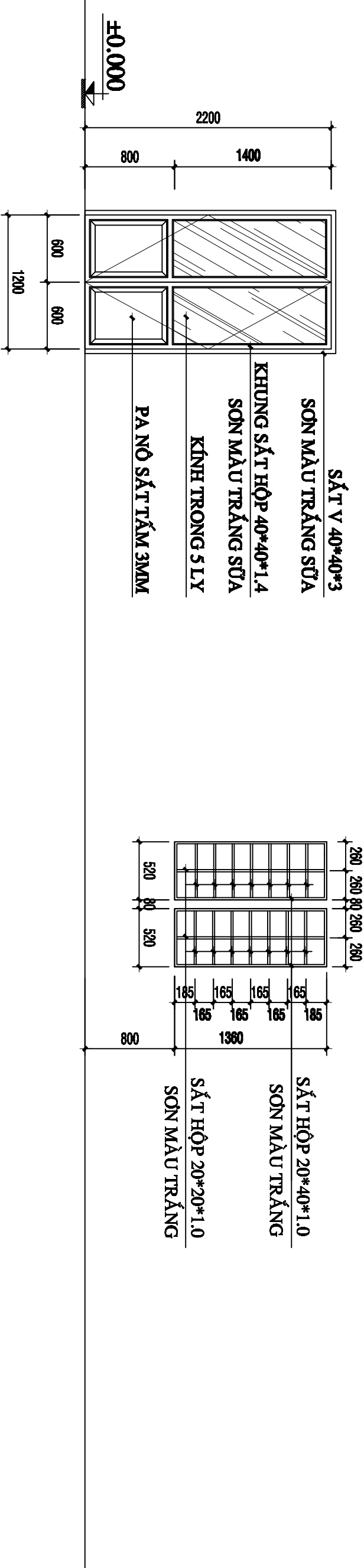
TAM CẤP TC1; TL: 1/20

(SL: 02)

BẬC CẤP TRỤC 2-3 TC2; TL: 1/20

(SL: 01)

MẪU NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO (DÀNH CHO HỘ GIÀ CẢ NEO ĐƠN)	MẪU SỐ:
	04
CHI TIẾT TAM CẤP	BẢN VẼ
	KT
	04/06



CỬA ĐI D1, TL: 1/50

SỐ LƯỢNG: 01 BỘ

CT. SONG BẢO VỆ CỬA ĐI D1

STT	KÝ HIỆU	QUY CÁCH CÁC LOẠI CỬA	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
01	D1	CỬA ĐI SẮT KÍNH: MỞ 2 CÁCH, KÍCH THƯỚC THÔNG THỦY 1200x2200, PHẦN PA NỖ SẮT BÊN DƯỚI CAO 600.	BỘ	01
02	D2	CỬA ĐI SẮT KÍNH: MỞ 1 CÁCH, KÍCH THƯỚC THÔNG THỦY 800x2200, PHẦN PA NỖ SẮT BÊN DƯỚI CAO 600.	BỘ	01
03	D3	CỬA ĐI NHÔM KÍNH MỞ: MỞ 1 CÁCH, KÍCH THƯỚC THÔNG THỦY 700x2000, PHẦN PA NỖ NHÔM BÊN DƯỚI CAO 600.	BỘ	01

MẪU NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO
(DÀNH CHO HỘ GIÀ CẢ NHO ĐƠN)

04

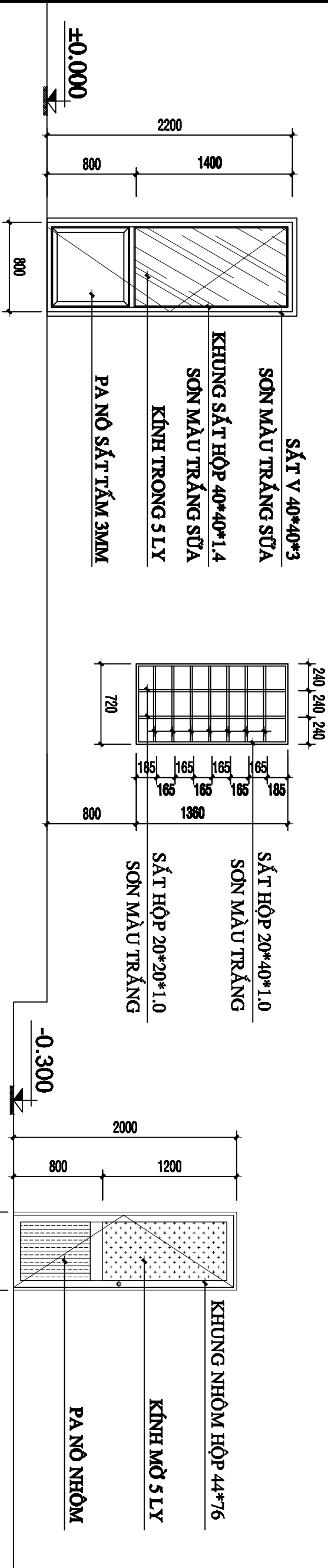
MẪU SỐ:

CHI TIẾT CỬA ĐI D1, BẢNG THỐNG KÊ CỬA.

BẢN VẼ

KT

05/06



CỬA ĐI D2, TL: 1/50

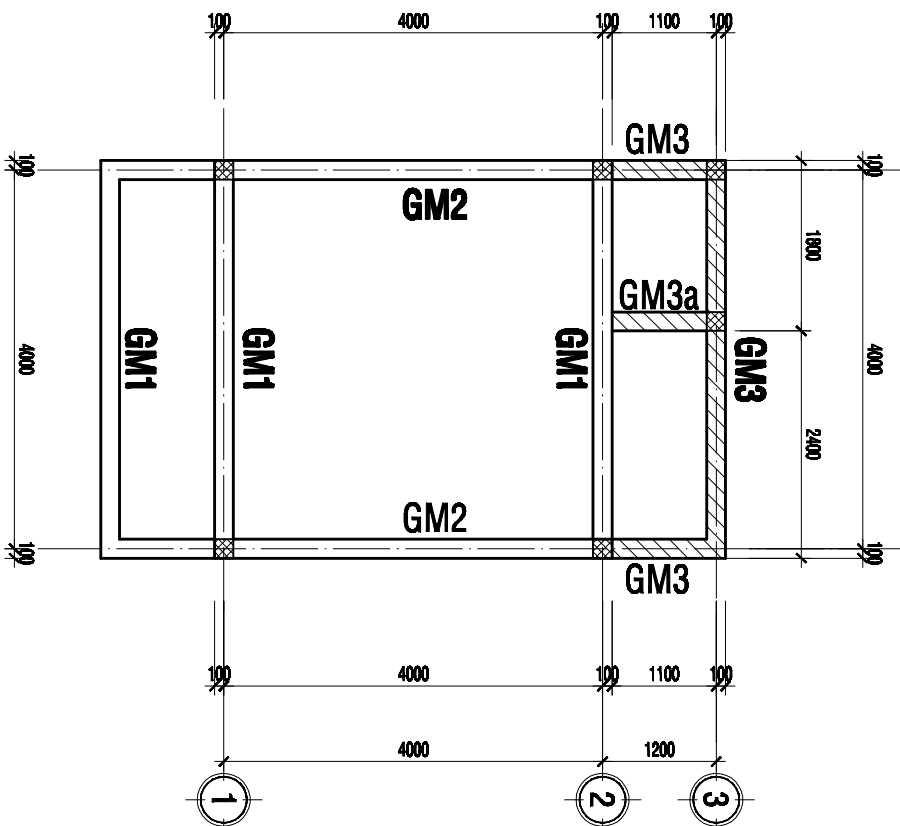
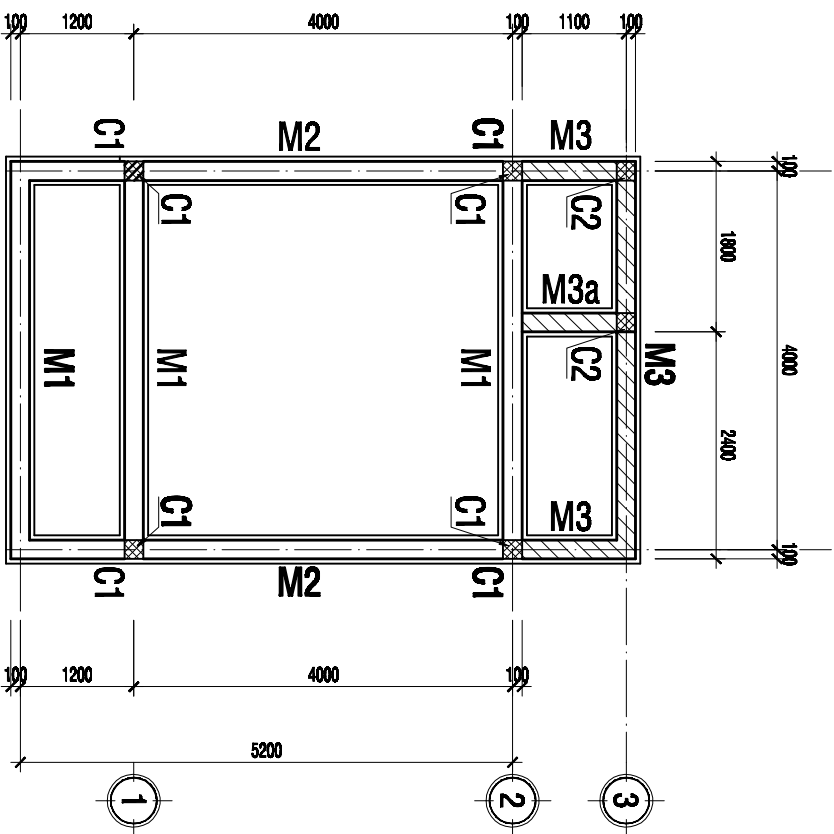
CT. SONG BẢO VỆ CỬA ĐI D2

SỐ LƯỢNG: 01 BỘ

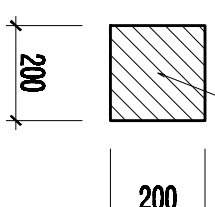
CỬA ĐI D3, TL: 1/50

SỐ LƯỢNG: 01 BỘ

MẪU NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO (DÀNH CHO HỘ GIÀ CẢ NEO ĐƠN)		MẪU SỐ:
		04
CHI TIẾT CỬA ĐI D2, CHI TIẾT CỬA ĐI D3		BẢN VẼ
		KT 06/06



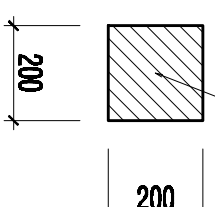
XÂY GẠCH ỐNG VỮA XI MÀNG M75



CỘT C1 TL: 1/20

(TỪ CAO ĐỘ -0.050 ĐẾN +3.000, SL: 04)

XÂY GẠCH ỐNG VỮA XI MÀNG M75



CỘT C2 TL: 1/20

(TỪ CAO ĐỘ -0.450 ĐẾN +1.700, SL: 02)

MẶT BẰNG MÓNG - CỘT

TL: 1/100

GHI CHÚ:

- BÊ TÔNG GIẢNG MÓNG DÁ 1x2 B15 (M200).
- CỐT THÉP:
- + Ø ≤ 10 (CỐT THÉP TRƠN: A1, C1);
- Rs = Rsc = 225 MPa;
- Rsw = 175 MPa.
- + Ø ≥ 10 (CỐT THÉP GỖ: AII, CII):
- Rs = Rsc = 280 MPa;
- Rsw = 225 MPa.
- ĐOẠN NỐI CỐT THÉP: Ln ≥ 35Ø.
- ĐOẠN NEO CỐT THÉP: Ln ≥ 35Ø.

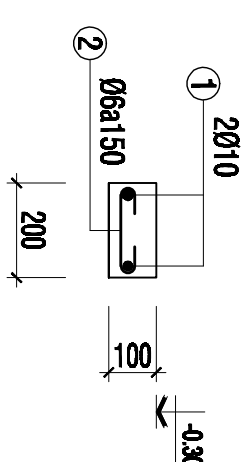
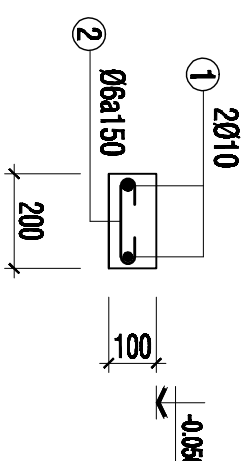
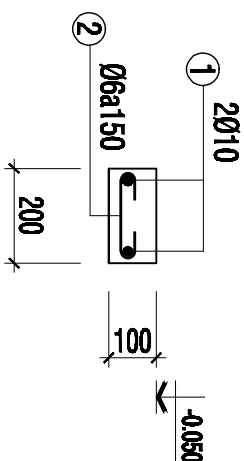
GIẢNG MÓNG GM1 TL: 1/20

(GM1: L=4200, SL: 03)

GIẢNG MÓNG GM2 TL: 1/20 GIẢNG MÓNG GM3, GM3a TL: 1/20

(GM2: L=5400, SL: 02)

(GM2: L=7000, SL: 01; GM2a: L=1400, SL: 01)



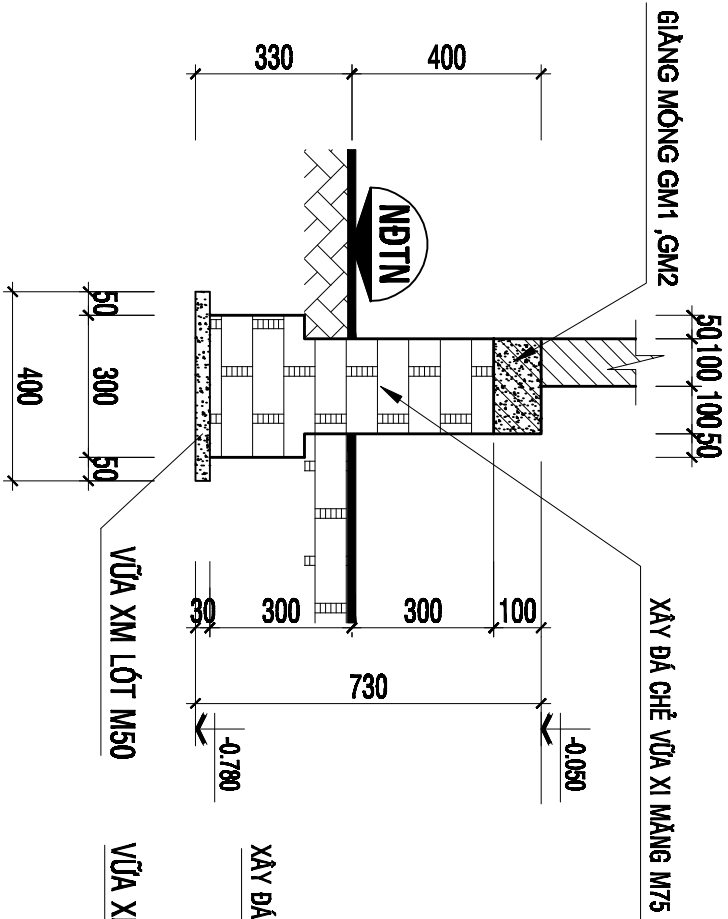
MẪU NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO
(DÀNH CHO HỘ GIÀ CẢ NEO ĐƠN)

MẪU SỐ:
04

- MẶT BẰNG MÓNG - CỘT; CT. CỘT
- MB GIẢNG MÓNG; CT. GIẢNG MÓNG

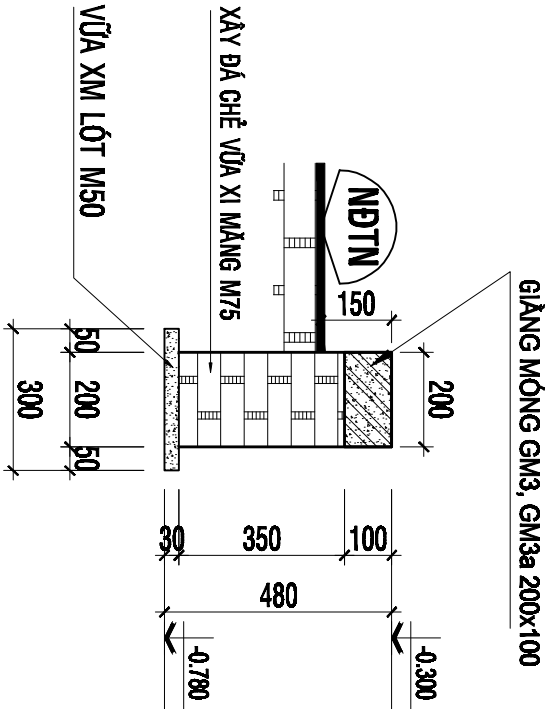
BẢN VẼ

KC
01/04



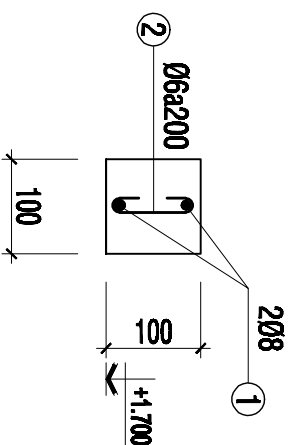
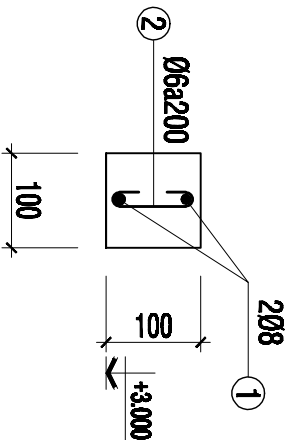
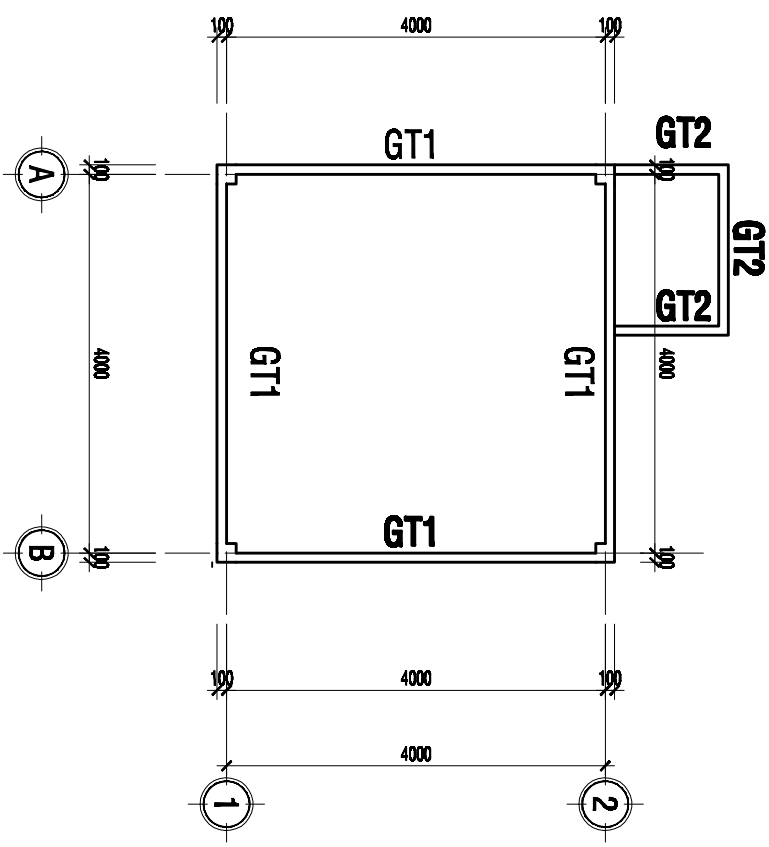
MÔNG M1, M2 TL: 1/20

(M1: L=4200, SL: 03; M2: L=5400, SL: 02)



MÔNG M3, M3a TL: 1/20

(M3: L=6200, SL: 01; M3a: L=1200, SL: 01)



GHI CHÚ:

- BÊ TÔNG DẦM MÁI, GIẺNG TƯỜNG ĐÁ 1x2 B15 (M200).
- CỐT THÉP:
 - + Ø ≤ 10 (CỐT THÉP TRON: A1, C1): R_s = R_{sc} = 225 MPa;
R_{sw} = 175 MPa.
 - + Ø ≥ 10 (CỐT THÉP GỖ: AII, CII): R_s = R_{sc} = 280 MPa;
R_{sw} = 225 MPa.
- ĐOẠN NỐI CỐT THÉP: L_n ≥ 35Ø.
- ĐOẠN NEO CỐT THÉP: L_n ≥ 35Ø.

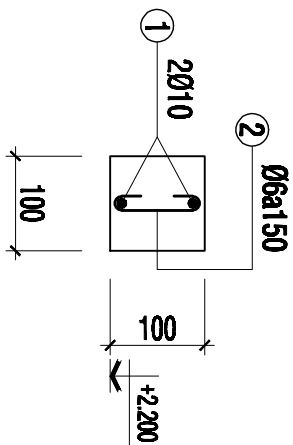
GIẺNG TƯỜNG GT1 TL: 1/10

(GT1: L=4200, SL: 04)

GIẺNG TƯỜNG GT2 TL: 1/10

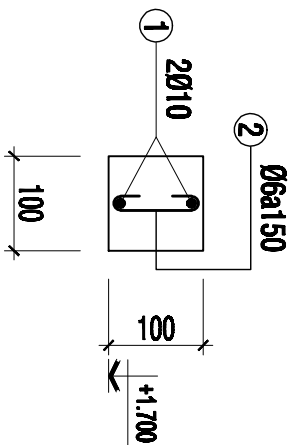
(GT2: L=4600, SL: 01)

MẪU NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO (DÀNH CHO HỆ GIÀ CẢ NEO ĐƠN)		MẪU SỐ:
MÔNG M _{G1} , M _{G2} ; TƯỜNG CHẤN T _C , CỘT C ₁ ; CỘT C ₂		01
BẢN VẼ		KC 02/04



LANH TÔ LT1 TL: 1/10

(L=1600, SL: 01)

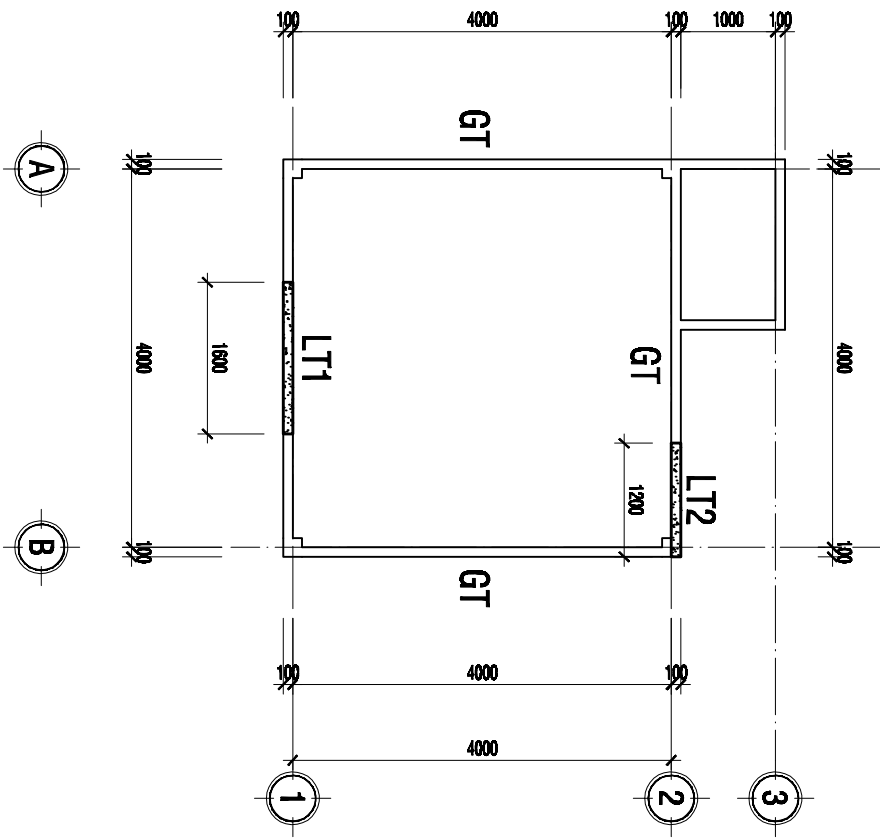


LANH TÔ LT2 TL: 1/10

(L=1200, SL: 01)

GHI CHÚ:

- BÊ TÔNG LANH TÔ BÀ 1x2 B15 (M200).
- CỐT THÉP:
 - + Ø ≤ 10 (CỐT THÉP TRON: A1, C1): $R_s = R_{sc} = 225 \text{ MPa}$; $R_{sw} = 175 \text{ MPa}$.
 - + Ø ≥ 10 (CỐT THÉP GỖ: AII, CII): $R_s = R_{sc} = 280 \text{ MPa}$; $R_{sw} = 225 \text{ MPa}$.
- ĐOẠN NỐI CỐT THÉP: $L_n \geq 35\phi$.
- ĐOẠN NEO CỐT THÉP: $L_n \geq 35\phi$.



MẶT BẰNG LANH TÔ TL: 1/100

MẪU NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO (DÀNH CHO HỘ GIÀ CẢ NEO ĐƠN)	MẪU SỐ:
	01
MẶT BẰNG LANH TÔ LANH TÔ LT1, LT2	BẢN VẼ
	KC 03/04

BẢNG THÔNG KÊ CỘT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
GIĂNG GM1	1	50 4150 50	10	4250	2	6	25.5	15.72
	2	50 150 50	6	250	28	84	21	4.66
GIĂNG GM2	1	50 5350 50	10	5450	2	4	21.8	13.44
	2	50 150 50	6	250	36	72	18	4.00
GIĂNG GM3	1	1350 50 4100 50 1350	10	6900	2	2	13.8	8.51
	2	50 150 50	6	250	47	47	11.75	2.61
GIĂNG GM3a	1	50 1350 50	10	1450	2	2	2.9	1.79
	2	50 150 50	6	250	7	7	1.75	0.39
DẦM DM1	1	50 2750 50	10	2850	4	4	11.4	7.03
	2	150 150 50	6	700	19	19	13.3	2.95
GIĂNG GT1	1	50 4150 50	8	4250	2	8	34	13.42
	2	50 60 50	6	160	21	84	13.44	2.98
GIĂNG GT2	1	50 4550 50	8	4650	2	2	9.3	3.67
	2	50 60 50	6	160	23	23	3.68	0.82
LT1	1	1550	10	1550	2	2	3.1	1.91
	2	50 60 50	6	160	11	11	1.76	0.39
LT2	1	1150	10	1150	2	2	2.3	1.42
	2	50 60 50	6	160	8	8	1.28	0.28

- Trọng lượng thép có đường kính Φ6 = 19.08 kg; Chiều dài = 85.96 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ8 = 17.09 kg; Chiều dài = 43.3 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ10 = 49.82 kg; Chiều dài = 80.8 mét

MẪU NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO
(DÀNH CHO HỘ GIÀ CẢ NEO ĐƠN)

Mẫu số:
01

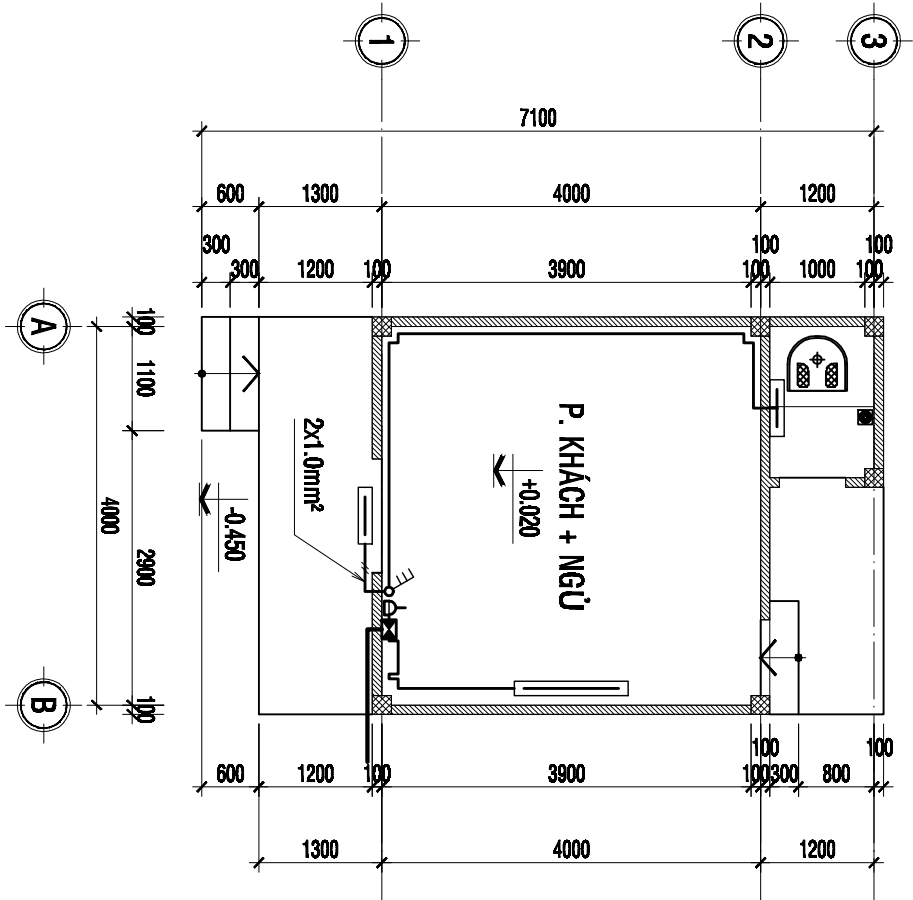
BẢNG THÔNG KÊ CỘT THÉP

BẢN VẼ

KC
04/04

BẢNG THÔNG KÊ ĐIỆN

01	ĐÈN HUYỀN QUANG 1 BÓNG 0.6m 20W	bộ	02
02	ĐÈN HUYỀN QUANG 1 BÓNG 1.2m 40W	bộ	01
03	APTOMAT 1 PHA 20A (CB 20A)	cái	01
04	BẢNG 3 CÔNG TẮC KẾT HỢP Ổ CẮM 2 HÀNG	cái	01
05	DÂY CÁP ĐƠN MIỀM (1 LỖI 7 SỢ) 1.0 mm²	m	33.0
06	NẾP NHỰA	m	15.0



CHÚ THÍCH:

	ĐÈN HUYỀN QUANG 1 BÓNG 0.6m 20W		CÔNG TẮC ĐƠN
	ĐÈN HUYỀN QUANG 1 BÓNG 1.2m 40W		CÔNG TẮC BA
	APTOMAT 1 PHA 20A (CB 20A)		Ổ CẮM 2 HÀNG
			DÂY CÁP ĐƠN MIỀM (1 LỖI 7 SỢ) 1.0 mm²

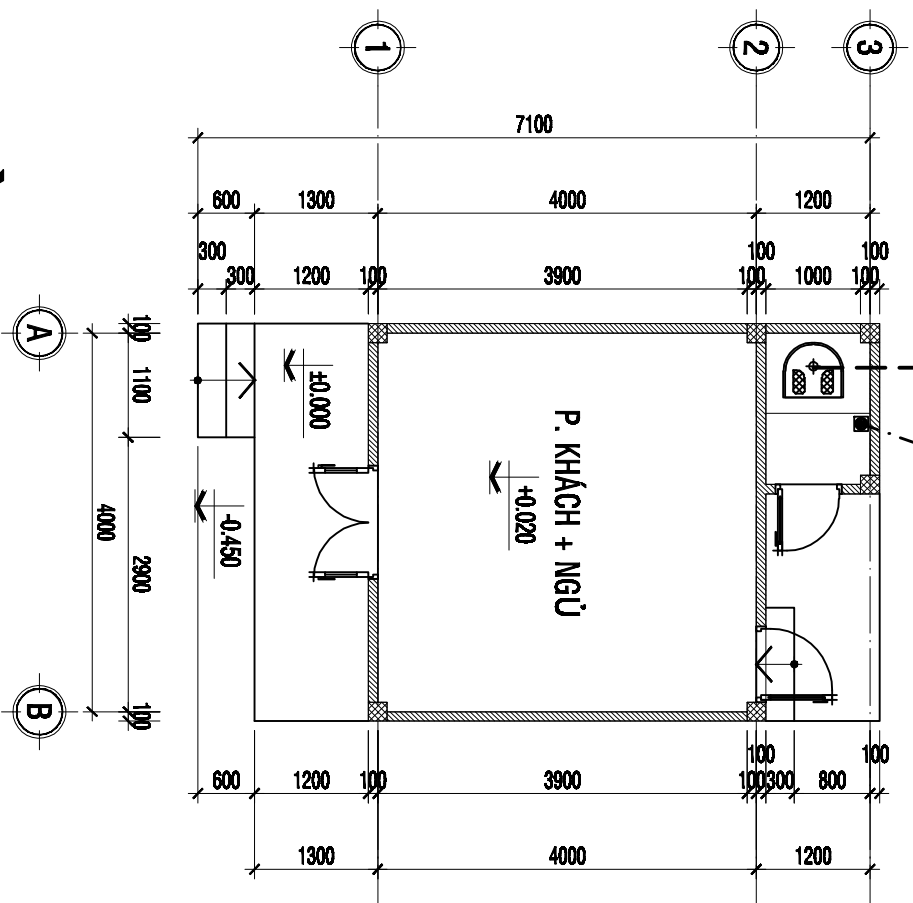
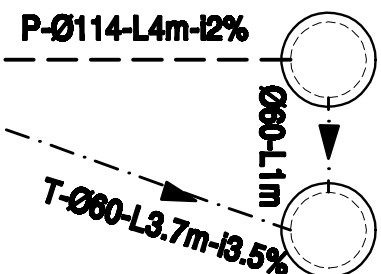
MẶT BẰNG ĐIỆN TL: 1/100

GHI CHÚ:

- CÁC ĐÈN LẮP CÁCH NỀN KHOẢNG 3000.
- BẢNG CÔNG TẮC KẾT HỢP Ổ CẮM LẮP CÁCH NỀN 1500.
- DÂY ĐIỆN ĐẶT TRONG NẾP NHỰA VÀ ĐI NỐI TRÊN TƯỜNG.
- CÁC ĐIỂM NỐI DÂY PHẢI ĐƯỢC QUẤN KỸ BẰNG BĂNG KEO CÁCH ĐIỆN.

MẪU NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO (DÀNH CHO HỘ GIÀ CẢ NEO ĐƠN)		MẪU SỐ:
MẶT BẰNG ĐIỆN BẢNG THÔNG KÊ ĐIỆN		04
BẢN VẼ		B 01/01

BỂ TỰ HOẠI + GIẾNG THẨM



BẢNG TỔNG KÊ THOÁT NƯỚC

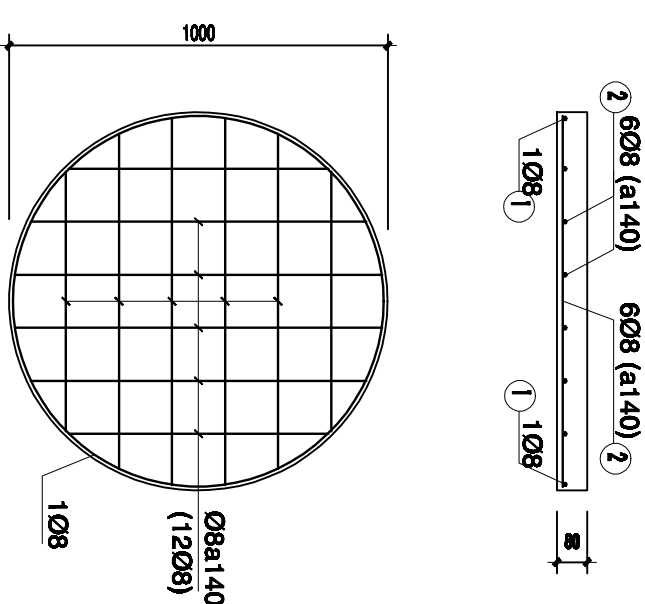
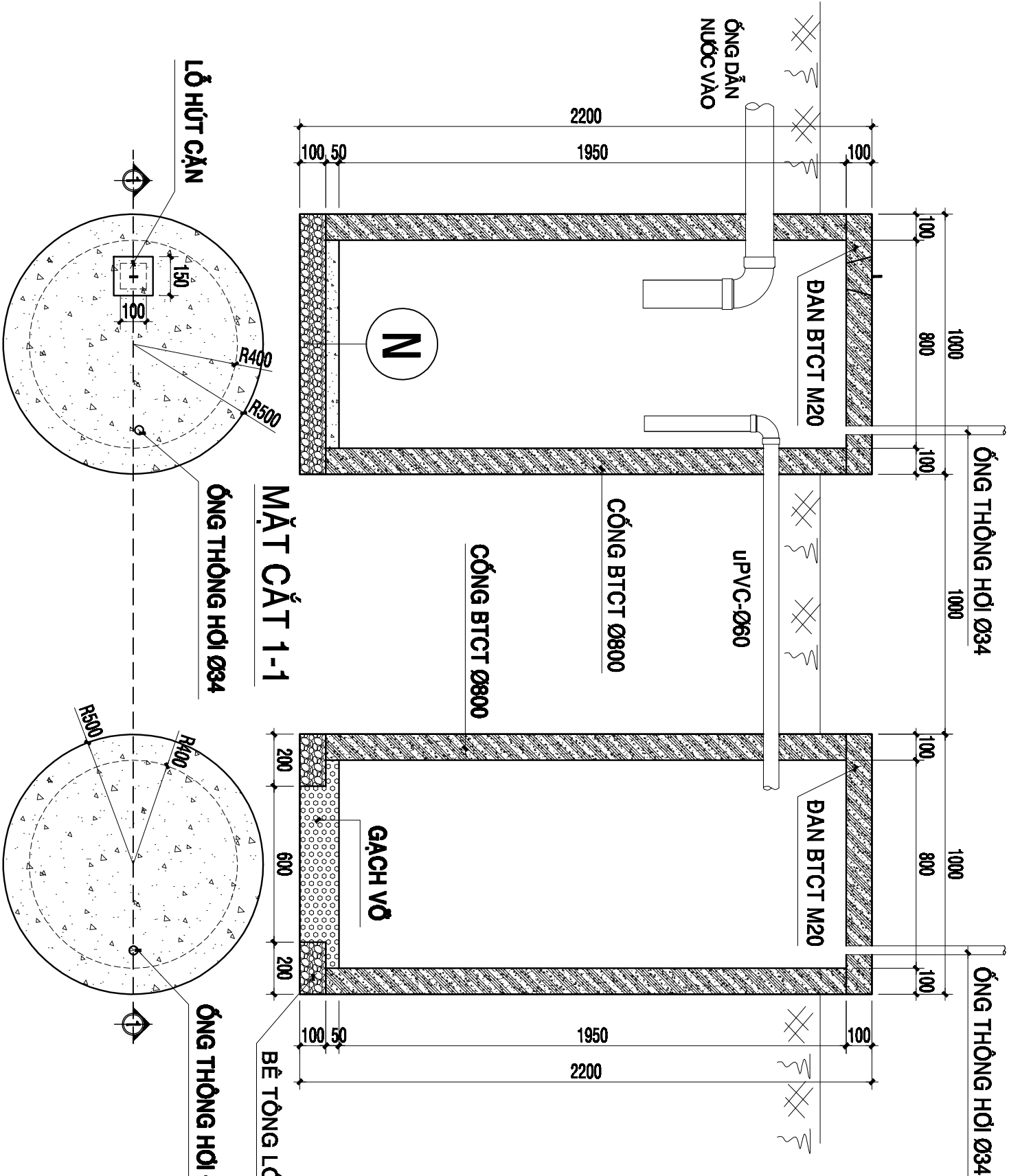
01	ỐNG UPVC Ø34X2mm (THÔNG HƠI BỂ TỰ HOẠI)	m	02
02	ỐNG UPVC Ø60X2mm	m	06
03	ỐNG UPVC Ø114X3.8mm	m	05
04	CỎ 90 ĐỘ UPVC Ø60	cái	01
05	CỎ 90 ĐỘ UPVC Ø114	cái	02
06	CỎ THỎ UPVC Ø60	cái	01
07	LƯỚI THU NƯỚC SÀN INOX 150X150	cái	01
08	XI XỐM SỮ TRẮNG MEN	BỘ	01

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC TL: 1/100

GHI CHÚ:

T-Ø60-L5m-l3.5%: ống thoát nước sàn - đường kính (mm) - chiều dài (m) - độ dốc (%).
P-Ø114-L4m-l2%: ống thoát phân, nước tiểu - đường kính (mm) - chiều dài (m) - độ dốc (%).
SỬ DỤNG ống UPVC DÁN KEO

MẪU NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO (DÀNH CHO HỘ GIÀ CẢ NEO ĐƠN)	MẪU SỐ:
	04
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC	BẢN VẼ N 01/02



THÉP TẤM DÀN , TL: 1/25

(SL = 02 TẤM)

BT ĐÁ 1X2 M200
BÊ TÔNG LỘT ĐÁ 4X6 M100
ĐẤT NỀN ĐẦM CHẶT

MB BỂ TỰ HOẠI, GIẾNG THẨM, TL1/25

BẢNG THÔNG KÊ THÉP TẤM DÀN

KH	H. DẶNG, K. THUỐC	Ø (mm)	C. DÀI 1 THANH	SỐ LƯỢNG		TỔNG	
				SỐ THANH	SỐ KẤU KIỆN	CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)
1	50	8	1050	12	1	12.6	4.98
2	900	8	3140	1	1	3.14	1.24

MẪU NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO
(DÀNH CHO HỘ GIÀ CẢ NEO ĐƠN)

04

CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI, GIẾNG THẨM

BẢN VẼ

N

02/02